

ĐẶC ĐIỂM CỦA DIỄN NGÔN VIẾT

TRỊNH SÂM*

TÓM TẮT

Khái niệm diễn ngôn viết không chỉ bó hẹp trong phương tiện văn tự, dựa vào lý thuyết ngữ vực, bài viết đã chỉ ra một số đặc điểm chi phối, cũng như đặc điểm ngôn ngữ. Ở khía cạnh sau, bên cạnh nhận xét về chức năng của một số ngữ đoạn liên kết, bài viết còn đúc kết được một số đặc điểm của tiêu đề và một số khung bố cục thường gặp trong tiếng Việt.

Từ khóa: diễn ngôn viết, đặc điểm chi phối, đặc điểm ngôn ngữ, tiêu đề, bố cục.

ABSTRACT

The Features of written discourse

The concept “written discourse” is not only restricted to letters. Based on theory of register, this paper shows some governing features, as well as linguistic features. In the later aspect, with remarks on some functions of cohesive syntagm, the paper also concludes with features of headings and composition frames often used in Vietnamese.

Keywords: written discourse, governing features, linguistic features, headings, composition frame.

1. Nghiên cứu diễn ngôn viết với các tên gọi *ngôn ngữ viết, phong cách gọt giũa, phong cách viết* với tư cách là một hệ thống độc lập hay trong thể đối lập với diễn ngôn nói, *ngôn ngữ nói, phong cách khẩu ngữ, phong cách sinh hoạt hàng ngày* là một đề tài không mới. Phong cách học Việt ngữ đã khái quát được một số đặc điểm ngôn ngữ ở bình diện khái quát, cho phép nhận diện và phân loại một số tiểu hệ thống. Tuy nhiên, khi trào lưu Phân tích diễn ngôn với hệ thủ pháp nghiên cứu liên ngành ra đời, diễn ngôn viết lại thu hút sự chú ý của đông đảo nhà nghiên cứu. Trên cứ liệu tiếng Anh, có thể kể đến M. A. K. Halliday (1985) [12], D. Biber (1998) [11], Tanen. D. (1982) [15] và hầu như

tài liệu Phân tích diễn ngôn tiếng Anh nào cũng đề cập diễn ngôn nói/ diễn ngôn viết. Ở Việt Nam, Diệp Quang Ban (2009) [1] đã có công xác lập được một số tiêu chí để phân biệt ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói.

Cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, giao tiếp nói chung, giao tiếp bằng văn tự nói riêng, trong xã hội hiện đại cũng rất đa dạng. Bộ máy khái niệm của Tu từ học cổ điển chẳng những không thể bao quát hết ngữ liệu mà còn không thể giải thích được một số hiện tượng giao tiếp giao nhau, trong đó lẫn ranh giữa chúng không phải lúc nào cũng rõ ràng. Và lại, khái niệm diễn ngôn viết, không nên chỉ bó hẹp trong phương tiện văn tự mà có thể mở rộng đến kênh hình ảnh,

* PGS TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM; Email: trinhsam0505@yahoo.com.vn

nhất là sự tương tác giữa ngôn ngữ và hình ảnh. Do quan tâm không đúng mức đến vấn đề này nên hầu hết các diễn ngôn viết trong sách giáo khoa ở Việt Nam chưa có ý thức khai thác hệ thống nghĩa của hình ảnh, bao gồm nghĩa biểu trưng, nghĩa liên nhân và nghĩa bố cục. [9]

2. Từ góc nhìn của ngôn ngữ học chức năng hệ thống, xét ngữ vực (register), ngoài tính chất rộng/ hẹp, quá trình/ sản phẩm giữa diễn ngôn nói và viết không có sự khác nhau nhiều về trường (field). Sự khác biệt chủ yếu tập trung ở thức (mode) và quan hệ (tenor). Về thức, tuy có mở rộng ra tất cả phương tiện thị giác nhưng diễn ngôn viết có phần thuần nhất, ít nhất là trên bề mặt; còn về quan hệ, giữa các tham thể giao tiếp đều ràng buộc từ các nghi thức trang trọng và được xây dựng trên một sự giả định, chứ không phải là giao tiếp trực tiếp mặt đối mặt.

Tất cả những phương diện này sẽ làm nên những đặc điểm bên ngoài, tức những đặc điểm có tính chất chi phối và những đặc điểm bên trong, tức những đặc điểm ngôn ngữ.

2.1. Đặc điểm chi phối

Chúng bao gồm: ngữ cảnh nhân tạo, giao tiếp gián tiếp, trung tính, trau chuốt trong biểu đạt và độ bền vững của câu chữ.

2.1.1. Ngữ cảnh nhân tạo

Nếu như trong diễn ngôn nói, ngữ cảnh tạo ra giao tiếp, tức ngữ cảnh đến một cách tự nhiên, các tham thoại dùng nó để quy chiếu, để trao đổi tương tác như một lẽ đương nhiên, ở diễn ngôn viết ngược lại hoàn toàn [8]. Chúng ta phải

tạo ra ngữ cảnh, dàn dựng ngữ cảnh cần và đủ thì mới có thể giao tiếp được. Và việc xây dựng ngữ cảnh tuy là cùng diễn ngôn viết, nhưng ở mỗi loại hình diễn ngôn đều rất khác nhau.

Phức tạp nhất là ngữ cảnh trong diễn ngôn nghệ thuật, bởi đặc trưng hình tượng và đa nghĩa nên không chỉ là xây dựng ngữ cảnh một cách hiển lộ mà đôi khi còn phải xây dựng theo hướng ẩn giấu, và như vậy thì tương tác nghệ thuật mới đạt hiệu quả. Trong khi đó, ngữ cảnh trong các diễn ngôn phi nghệ thuật như học thuật, quản lí, hành chính, việc tạo ngữ cảnh có phần đơn giản hơn, tất cả phải tường minh, thậm chí còn được giải thích cặn kẽ. Nói một cách khái quát, từ ngữ cảnh rộng đến ngữ cảnh cục bộ đều phải được thiết kế rất công phu. Trong diễn ngôn nghệ thuật, người ta hay nói đến ngữ cảnh chín muồi cho tứ thơ xuất hiện, cho hình tượng nhân vật xuất hiện, họ phê phán ngữ cảnh chưa đủ sáng, ngữ cảnh không rõ ràng. Điều đó cho thấy vai trò quan trọng của ngữ cảnh nhân tạo trong diễn ngôn viết.

Trong diễn ngôn nói, dù các tham thể có chú ý hay không chú ý, ngữ cảnh vẫn sẵn sàng phát huy chức năng của nó, bằng các thao tác quy chiếu và do các đối tượng giao tiếp được xác định, nên sự tương tác xảy ra rất dễ dàng [8]. Trong khi đó, ở diễn ngôn viết, dù là ngữ cảnh thực hữu hay tưởng tượng đều là kết quả của một sự tạo lập rất công phu. Nói rộng ra, phải tạo nên một ngữ cảnh rõ ràng để tương tác, và xác định ai giao tiếp với ai, về vấn đề gì, trong không gian nào, quan

hệ liên nhân thể nào, tất cả đều phải được cung cấp cho người đọc.

2.1.2. Giao tiếp gián tiếp

Giao tiếp thông qua phương tiện văn tự và hình ảnh, về cơ bản là được thiết lập trên một sự giả định. Ở đây không có một sự phản hồi tức thì để có thể tự điều chỉnh. Mặc dù phạm trù liên chủ thể (intersubjectivity), tức những chia sẻ, những sự cộng hưởng về những trải nghiệm trong cuộc sống giữa các nhân vật giao tiếp, cũng được tính đến, nhưng hiển nhiên không được xác thực như trong diễn ngôn nói. Trong giao tiếp trực tiếp, thông qua các yếu tố ngôn ngữ, phi ngôn ngữ và cả những cảm nhận có tính chất trực giác, những người trong cuộc có thể ghi nhận đâu là nội dung đích thực của lời nói được nói ra. Trong khi đó ở diễn ngôn viết, bằng con đường thị giác, rất khó cảm nhận điều này, nói khác, chỉ dựa thuần túy trên câu chữ thì đó chưa hẳn là thông tin quan yếu.

Tuy nhiên, diễn ngôn viết không bị thúc bách bởi thời gian không gian, không rơi vào trường hợp xử lí tình huống, cho nên có nhiều thuận tiện trong chỉnh sửa, biên tập tham khảo các tri thức liên văn bản, thậm chí có thể viết lại hoàn toàn mà không sợ làm ảnh hưởng đến đối tác.

Cả hai loại hình diễn ngôn đều sử dụng cả hai nguyên lí giải thuyết cục bộ (the principle of local interpretation) - tức người nghe không cần phải khôi phục một ngữ cảnh lớn hơn cần thiết để hiểu văn bản, chẳng hạn trước một lời than thở của bạn mình, *sáng nay đã lấy đến mấy cây viết ra bàn rồi, lơ đễnh thế nào mà*

không chịu bỏ vào cặp, thế có tức không chứ!, người nghe tùy theo quan hệ liên nhân mà hiểu, ứng xử thích hợp - và nguyên lí loại suy (the principle of analogy) - tức người nghe phải vận dụng những trải nghiệm có sẵn, dựa vào cái khung rộng lớn của tri thức nền thì mới có thể hiểu nghĩa đích thực của diễn ngôn. Đó là các trường hợp: *Nó còn lăn tăn trong lòng mà không dám nói ra*, hay *Mới đầu giờ chiều mà nó lặn mất tiêu rồi; Thằng nhỏ bơi môn toán...* Rõ ràng, trong ngữ cảnh này, phải nắm vững cơ chế của các ẩn dụ tri nhận quen thuộc trong tiếng Việt: “Sông nước là con người”, “Vận động của sông nước là vận động của con người” thì ta mới hiểu được các hàm ý của *lăn tăn, lặn, bơi* [5].

Tuy nhiên, diễn ngôn nói do nhiều lí do, thiên về giải thuyết cục bộ, còn diễn ngôn viết lại thiên về nguyên lí loại suy.

2.1.3. Trung tính và trau chuốt trong biểu đạt

Mặc dù diễn ngôn viết không có tương tác trực tiếp, lại phần lớn do cá nhân tạo lập, thế nhưng thật khó để tìm thấy nét riêng của chủ thể. Công bằng mà nói, đối với một số loại hình diễn ngôn, cá tính của người tạo lập ít nhiều cũng được bộc lộ, nhất là đối với diễn ngôn nghệ thuật. Từ góc nhìn của phong cách học, tạo nên dấu ấn cá nhân hay phong cách cá nhân là cả một kì công. Và suy cho cùng, đó cũng là mục đích của nghệ thuật, dù là mục đích thứ yếu. Còn nhìn chung, nói đến diễn ngôn viết là nói đến một loại diễn đạt trung tính. Nhưng bù

lại, văn bản viết có được một hình thức trau chuốt, gọt giũa rất kỹ lưỡng, và như vậy rất phù hợp với việc chuyển tải những chủ đề - đề tài trừu tượng, mang tính phổ quát.

2.1.4. Độ bền vững

Nhờ có hệ thống chữ viết và hình ảnh được mã hóa trong không gian, cộng với sự chuẩn bị kỹ lưỡng nên diễn ngôn viết có độ ổn định cao. Nói tới diễn ngôn nói là đề cập tính nhất thời, còn đặc trưng của diễn ngôn viết là sự bền vững lâu dài.

Về mặt sâu xa, độ bền vững của diễn ngôn còn liên quan đến khả năng tiếp nhận và lưu giữ từ đầu vào là thị giác hay thính giác. Thông thường, người ta tiếp nhận diễn ngôn viết như một chỉnh thể giao tiếp có phần dễ hơn là diễn ngôn nói, bởi tính chất thuần nhất về chất liệu của nó. Và lại, việc nhận hiểu diễn ngôn viết trong trạng thái tĩnh tại càng có nhiều ưu thế hơn diễn ngôn nói trong trạng thái động. Ở đây, người tiếp nhận hoàn toàn không bị thúc bách bởi thời gian, không gian mà có thể đọc đi, đọc lại nhiều lần, nhất là những diễn ngôn có độ nén thông tin cao, như diễn ngôn hàn lâm chẳng hạn. Có thể nói được rằng, nhìn từ góc độ tạo lập hay nhận hiểu, sự bền vững và ổn định của diễn ngôn viết có nhiều ưu thế hơn diễn ngôn nói.

Như nhiều nhà phân tích diễn ngôn đã chỉ ra, nếu như diễn ngôn nói bị chi phối bởi nguyên tắc ở đây và bây giờ thì diễn ngôn viết có độ bền vững và sức sống lâu dài hơn rất nhiều. Diễn ngôn viết không chỉ là sản phẩm của hôm nay, mà còn là của hôm qua và ngày mai.

Vì tất cả những điều nêu trên, diễn ngôn viết thường chứa được nhiều thông tin, vươn tới độ nén cần thiết. Và trong các đặc điểm chi phối vừa nêu trên, *ngữ cảnh nhân tạo, giao tiếp gián tiếp* là thuộc bản chất của diễn ngôn viết, còn *trung tính, trau chuốt* cũng như *độ bền vững* là thuộc hình thức diễn đạt của nó.

3.2. Đặc điểm ngôn ngữ

Diễn ngôn viết là sản phẩm của một quá trình lao động trí óc vất vả, kết quả của nhiều lần biên tập, chỉnh sửa cho nên có độ ổn định cao. Có thể khảo sát bản chất của diễn ngôn viết, cho dù nó thường có độ dài lớn, đôi khi là một bộ tiểu thuyết trường thiên với nhiều tập. Và về nguyên tắc, có thể tiến hành nhận xét từ tất cả các cấp độ ngôn ngữ, nhất là về chính tả và dấu câu. Tuy nhiên, ở đây chỉ tập trung khái quát một số đặc điểm trong tổ chức diễn ngôn.

3.2.1. Phát ngôn với cấu trúc trường cú, độ dài có khi lên đến trên dưới 200 hình tiết, không chỉ xuất hiện trong giao tiếp chính trị mà cả trong văn xuôi nghệ thuật, là đặc điểm của diễn ngôn viết tiếng Việt hiện đại. Phát ngôn được cấu trúc hóa theo nhiều tầng bậc rất phức tạp, trong đó đáng chú ý vai trò của các trạng ngữ mở đầu đoạn văn, tuy chúng được khuôn định trong nội bộ một phát ngôn (bắt đầu bằng một chữ cái viết hoa và kết thúc bằng một số dấu câu, trong đó tiêu biểu là dấu chấm), nhưng về chức năng là tổ chức văn bản. Thực chất đây là những trung đề (hyper-theme), một mặt, chi tiết hóa, cụ thể hóa các ý trong đại đề (macro-theme), mặt khác là chi phối các

đề (theme) và tiêu đề (sub-theme) [14]. Chẳng hạn như: *Về kinh tế...*, *Về giáo dục...*, *Về an ninh trật tự...* thì thường các phần tiếp sau của diễn ngôn đều triển khai các chủ đề này. Cùng với tiêu đề bộ phận, đây là những ngữ đoạn giúp người đọc dễ dàng trong tóm tắt văn bản.

3.2.2. Sự xuất hiện thường xuyên của các hình thức ẩn dụ ngữ pháp (grammatical metaphor), tức các cách diễn đạt thay vì dùng động từ hay động ngữ, diễn ngôn viết lại sử dụng các danh ngữ - một cấu trúc chặt chẽ về cấu tạo, rất thích hợp cho việc định danh có tính khái quát và trừu tượng, hãy so sánh: (i) *Chạy đua vũ trang đã làm cho một số quốc gia thâm hụt ngân sách* và (ii) *Sự chạy đua vũ trang của một số quốc gia đã làm thâm hụt ngân sách*. Tương tự, sự xuất hiện của các ẩn dụ logic (logical metaphor), tức các cách diễn đạt liên quan đến các tác từ lập luận do các liên từ đảm nhiệm cũng góp phần tô đậm xu hướng trí tuệ hóa diễn ngôn viết.

3.2.3. Nếu như liên kết và mạch lạc của diễn ngôn nói gắn liền với ngữ cảnh và trong rất nhiều trường hợp không được đánh dấu thì các bình diện ấy trong diễn ngôn viết hoàn toàn có thể tiến hành mô hình hóa. Và tuy chủ yếu là liên kết nội chỉ (endophora) nhưng tần suất của các mô hình liên kết trong các loại diễn ngôn viết là không như nhau, chẳng hạn liên kết nối ít xuất hiện, thậm chí không xuất hiện trong diễn ngôn tin văn điển dạng, trong khi đó liên kết liên tưởng xuất hiện dày đặc trong diễn ngôn nghệ thuật và các diễn ngôn có tính miêu tả thường liên

quan đến các biện pháp liên kết phối hợp từ vựng (lexical cohesion). Đối với các diễn ngôn viết có độ dài lớn, phát ngôn chuyên tiếp vừa có chức năng hồi chỉ (anaphora), tức tóm tắt nội dung đã được trình bày trước đó, vừa có chức năng khứ chỉ (cataphora), tức nêu ra một cách khái quát nội dung sẽ được trình bày ở sau thường xuất hiện, ví dụ: *Nguộc lên trên, với tư cách là một nhà giáo gắn bó suốt đời với sự nghiệp giáo dục, lại được trải nghiệm trong nhiều nền giáo dục, thuộc các thể chế chính trị khác nhau, chúng tôi đã trình bày một cách chân thật những ưu tư trăn trở về tình trạng giáo dục hiện nay của chúng ta, phần kế tiếp, bài viết mạnh dạn gọi ra một số biện pháp để chúng ta cùng nhau suy nghĩ mà mục đích cuối cùng không gì khác hơn là cùng bắt tay vào cải tổ và chấn hưng nó*". Văn bản viết hay sử dụng các ngữ đoạn liên kết chỉ trình tự diễn đạt, mở đầu, chuyển tiếp, kết thúc... như: *trước hết, đầu tiên, kế đến, tiếp theo, sau nữa, ngoài ra, và lại, hơn thế nữa, thêm vào đó...*, *thế là, rồi thì, để đạt được yêu cầu đó, sẽ vô cùng thiếu sót (phiến diện, không đầy đủ) nếu không nhắc đến (đề cập, bàn về...), cuối cùng là, sau chót là, để kết thúc, nói tóm lại, nói gọn lại*. Dùng một số ngữ đoạn nhấn mạnh, nhất là trong văn bản hàn lâm như: *cần lưu ý, xin nhắc lại, công bằng mà nói, không còn nghi ngờ gì nữa, không thể không, rõ ràng là, hiển nhiên là...*; dùng các ngữ đoạn khách quan hóa: *thiết tưởng, có lẽ, hợp lẽ là, trong nhận thức của chúng tôi...*; dùng những ngữ đoạn có tính chất siêu

ngôn ngữ để giải thích, kiểu như: *tức có nghĩa là, điều đó có nghĩa là, được hiểu là...*

3.2.4. Tuy không phải là tiêu chí có tính bắt buộc nhưng nói đến diễn ngôn viết là đề cập tiêu đề. Bởi tính chất hãn hữu của nó trong môi trường văn tự được định vị trong không gian theo hình tuyến, là yếu tố đầu tiên mà người đọc tiếp xúc.

Cấu trúc và chức năng của tiêu đề trong các loại hình diễn ngôn viết là khá đa dạng. Nhưng có lẽ thú vị nhất, đa dạng nhất là tiêu đề trong diễn ngôn nghệ thuật, đây là hệ thống hoàn toàn để mở, ở đó tập trung rất nhiều biện pháp nghệ thuật tu từ, đôi khi ý đồ nghệ thuật được mã hóa rất sâu, đòi hỏi phải có lời bình, người đọc mới hiểu được. Trong khi đó, ở các diễn ngôn phi nghệ thuật, như diễn ngôn khoa học, chính trị, hành chính, tiêu đề thường đóng vai trò khái quát nội dung hoặc nêu luận điểm; trong diễn ngôn pháp lí, nó có chức năng nêu chủ đề và cả xác lập thể loại; trong diễn ngôn báo chí, tiêu đề cung cấp tiêu điểm thông tin; còn trong diễn ngôn quảng cáo, tiêu đề hầu như không hiện diện nhưng không phải là tiêu đề zero mà có thể là tên sản phẩm hay là hàm ẩn một lời mời gọi mua sản phẩm. [3]

3.2.5. Bố cục, được hình dung là cái khung của diễn ngôn, trong đó nội dung là vật liệu được lấp đầy. Về nguyên tắc, mỗi loại hình diễn ngôn thường có từng loại khung riêng, thậm chí mỗi một diễn ngôn, nhất là diễn ngôn viết cũng có từng bộ khung cụ thể.

Các nhà phân tích diễn ngôn hình dung diễn ngôn/ văn bản là một hành động ngôn từ có tính chất vận động, bố cục chẳng qua là các bước của một cuộc thoại, vì vậy cũng có thể nói được các thành phần trong bố cục là các bước thoại, vấn đề là ở chỗ phải lựa chọn các thuật ngữ tương đương để mô tả.

Hiện nay, khảo sát diễn ngôn viết, người ta thường nhắc đến nhiều loại bố cục, trong đó đáng chú ý là hai loại loại bố cục: ba thành phần và hai thành phần.

a. Bố cục ba thành phần của diễn ngôn khoa học

Do nhiều lí do khác nhau, bố cục của loại diễn ngôn này có tính ổn định cao. Nó có tính chất trường quy và theo thông lệ quốc tế. Nhiều nhà nghiên cứu, trên cơ sở liệu tiếng Anh, đã tiến hành mô hình hóa nội dung, chẳng hạn, J. Swales (1990) không kể các bước tiểu thoại (step) đã lược quy phần mở đầu bằng 6 bước thoại lớn (move) [16]. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, có sự khác biệt giữa một công trình nghiên cứu khoa học có độ dài lớn in thành sách với các văn bản có quy mô nhỏ hoặc vừa phải thường được công bố trên tạp chí.

Phần mở đầu, tùy theo quy mô, có thể do một hay nhiều đoạn văn đảm nhận, có khi có cấu tạo đến một chương, gọi là *chương mở đầu*. Về chức năng, đây là phần có tính chất đặt vấn đề, và ngay từ đầu phải tập trung thu hút sự chú ý của người đọc. Tùy theo truyền thống học thuật, phần này có thể xuất hiện từ 4 đến 6 yếu tố cơ bản và thứ tự có thể thay đổi như: Lí do chọn đề tài, mục đích nghiên

cứ, phạm vi đề tài, lịch sử vấn đề, phương pháp nghiên cứu...

Phần triển khai, đây là phần thường có độ dài lớn nhất so với các phần khác của diễn ngôn. Đối với diễn ngôn nhỏ, hoặc trung bình, thường do nhiều đoạn văn đảm nhiệm, đối với đơn vị lớn, về cấu tạo có thể có nhiều chương, mỗi một chương là một hệ thống có tính độc lập tương đối, thường giải quyết một vấn đề, cuối mỗi chương lại có tiểu kết. Về chức năng, phần này có nhiệm vụ giải quyết vấn đề, các nội dung quan yếu nhất đều tập trung ở đây. Các luận điểm, các số liệu minh họa, thuyết minh, các luận cứ, luận chứng cũng đều tập trung ở đây.

Phần kết luận, đối với đơn vị nhỏ có thể do một hay nhiều đoạn văn đảm nhiệm, đối với diễn ngôn lớn, có thể do một chương đảm nhiệm gọi là chương kết luận. Về mặt chức năng, trong liên ứng với phần mở đầu, kết luận là dấu chấm cuối cùng của diễn ngôn. Có hai loại kết luận: kết luận đóng, tổng kết những kết quả nghiên cứu; kết luận mở, bên cạnh việc tổng kết, còn có phần nêu những hạn chế, những vấn đề còn bỏ ngỏ, cả những triển vọng đề tài, những hướng tiếp cận cần bổ khuyết hoặc tiếp tục phải nghiên cứu.

Mặt khác, nếu hình dung tất cả những gì được trình bày trên mặt giấy (diễn ngôn giao dịch) đều được coi là thuộc văn bản thì ba bước thoại lớn hay bố cục ba thành phần trên đây chỉ là một phần, dù là phần quan trọng nhất trong một chỉnh thể lớn hơn theo cách hình dung của Bhatia V. K (1993). Tất nhiên

còn lệ thuộc vào thể loại. Theo tác giả này, một văn bản thư tín thương mại điển hình bao gồm ba phần sau:

(i) *Phần nghi thức mở đầu* gồm: Logo của công ti, tên giao dịch, địa chỉ, ngày tháng, tên người nhận, chức danh, địa chỉ, lời chào đầu thư.

(ii) *Phần nội dung chính* (main text) gồm: Mở đầu (introduction), Phần triển khai (body), Kết luận (conclusion).

(iii) *Phần nghi thức đóng* (closing) gồm: Chữ kí, Tên người gửi và chức vụ, các tài liệu gửi kèm/ gửi thêm. [10]

b. Bố cục ba thành phần của diễn ngôn nghệ thuật

Bố cục văn bản nghệ thuật rất phức tạp, việc mô hình hóa quả không đơn giản. Tuy nhiên, đây là vấn đề rất lí thú. Cũng giống như đã tiến hành với diễn ngôn khoa học, nỗ lực của bài viết chỉ mong muốn đúc kết những đặc điểm chung nhất.

b.1. Một số cách mở đầu

- Theo trình tự thời gian của truyện, cách mở đầu này triển khai các chi tiết nghệ thuật theo đường thẳng, sự kiện nào xảy ra trước, nói trước, sự kiện nào xảy ra sau, nói sau, tức chỉ theo hướng khứ chỉ từ lúc truyện mở đầu cho đến lúc kết thúc. Nó có một số biến thể như: giới thiệu một nhân vật, giới thiệu một vùng đất. [2]

- Đảo trình tự thời gian, có ít nhất một số biến thể sau: (i) Đưa kết cục truyện lên trước, sau đó dùng thủ pháp hồi chỉ để đẩy lùi tuyến sự kiện về quá khứ theo chiều hướng ngược thời gian; (ii) Đưa kết cục lên trước, rồi hoặc dùng

quan hệ nhân quả để dẫn về kết cục đó, hoặc đẩy lùi sự kiện về quá khứ, phóng chiếu về tương lai và dẫn về kết cục đó;

(iii) Chọn những chi tiết có tính chất biểu trưng đưa lên trước và các chi tiết biểu trưng này sẽ chi phối toàn bộ cấu trúc truyện.

- Đề cập một triết lí nhân sinh, rồi thông qua số phận của hình tượng nhân vật, minh họa cho tư tưởng triết học đó.

- Đề cập một số chi tiết lịch sử nhưng về dụng ý nghệ thuật là muốn nhắc đến hiện tại hoặc ngược lại. Cách mở đầu trước là muốn *mượn xưa nói nay*, cách sau là *mượn nay để nói xưa* [2].

- Đề cập chuyện của xứ người nhưng về thực chất là muốn nói đến chuyện của ta.

- Đề cập vấn đề có tính chất huyền thoại hay hư ảo nhưng thực chất là muốn bàn đến những vấn đề sát sườn của cuộc sống.

b.2. Một số cách triển khai

Dù diễn ngôn nghệ thuật hay khoa học, phần triển khai của một văn bản cụ thể, lệ thuộc vào các cách mở đầu. Tuy nhiên, trong thế giới diễn ngôn nghệ thuật, đây lại là phần đa dạng nhất, phức tạp nhất, sau đây là một số ghi nhận bước đầu.

Nếu mở đầu theo trật tự thời gian, phần triển khai sẽ là những sự kiện nghệ thuật tiếp nối hoặc liên tục, hoặc phân đoạn theo trật tự tuyến tính.

Nếu mở đầu bằng các hình thức đảo trình tự thời gian, phần triển khai sẽ là tuyến sự kiện được đẩy lùi về quá khứ, hoặc vừa quá khứ vừa tương lai, hoặc kết

hợp cả ba nhất cắt thời gian: hiện tại, quá khứ và tương lai.

Nếu mở đầu bằng triết lí nhân sinh, bằng các hình thức vay mượn có tính chất ẩn dụ, phần triển khai được cấu trúc hầu như không theo một khuôn thước nào. Chẳng hạn, thông qua số phận của nhân vật Kiều, người đọc có thể hiểu sâu sắc hơn thuyết *Tài mệnh tương đố* hay phương pháp *mượn xưa nói nay*, trong tiểu thuyết lịch sử, với hình tượng Quang Trung, tùy theo dụng ý nghệ thuật, có thể khai thác việc sử dụng trí thức, trân trọng người có tài, việc đổi mới trong quản lí hay tài ngoại giao. Với phương pháp *mượn nay nói xưa*, tùy theo dụng ý nghệ thuật muốn biện minh, soi sáng về cái chết của Phan Thanh Giản từ góc độ nào đó; sự đóng góp của vua Gia Long và triều Nguyễn từ phương diện nào đó mà các tác giả có thể lựa chọn các chi tiết để hư cấu. Xem xét các cách triển khai một số tiểu thuyết mở đầu bằng huyền thoại được sáng tác theo chủ nghĩa hiện thực huyền ảo, nói theo thi pháp phương Đông là *Hư thực liên thông*, có thể thấy biên độ của sự lựa chọn nghệ thuật trong các bước triển khai là rất rộng.

b.3. Một số cách kết thúc

Có thể lược quy về một số kiểu kết thúc phổ biến:

- Kết thúc đóng: kết thúc theo nhu cầu đạo đức, kết thúc bằng một bi kịch, bằng một hài kịch, bằng cách giải quyết mâu thuẫn cuối cùng. [2]

- Kết thúc mở với nhiều thủ pháp bỏ lửng rất đa dạng.

- Kết thúc không có dấu hiệu kết thúc.

- Kết thúc bằng các chi tiết có tính chất biểu trưng.

- Kết thúc bằng cách cung cấp nhiều biến thể khác nhau kiểu như cách kết thúc thứ nhất, cách kết thúc thứ hai..., mỗi cách được hình thành với một dụng ý nghệ thuật nhất định, người đọc tùy theo sở thích của mình mà lựa chọn.

Một số đúc kết về bố cục của diễn ngôn nghệ thuật bên trên ít nhiều có tính chất truyền thông và ổn định, dễ thấy có nhiều diễn ngôn nghệ thuật hiện đại hầu như không có cấu trúc, không có bố cục.

c. Bố cục hai thành phần

Quan sát diễn ngôn viết trong hành chức, có thể thấy bố cục này xuất hiện trong nhiều loại hình diễn ngôn với nhiều biến thể rất thú vị. Những khái quát ở sau chủ yếu là dựa vào diễn ngôn báo chí. Trước hết, khung này, kết luận không tách thành một phần riêng, chúng gồm hai phần chính:

(i) *Phần giới thiệu* hay còn gọi là *phần dẫn nhập thông tin*: Nêu thông tin có tính chất định hướng (orientational information), gồm hai yếu tố: *Hệ thống tiêu đề* - tùy theo thể loại và độ dài của diễn ngôn, hệ thống tiêu đề đầy đủ nhất thường bao gồm ba bộ phận: *thượng đề* (super - headline), *đề* (main - headline), *hạ đề* (sub - headline) - và *dẫn đề* (lead), tóm tắt thông tin chính. [6]

(ii) *Phần triển khai*: Nêu các thông tin chi tiết, có thể có phần kết hoặc không.

Vẫn trên cái khung như vừa miêu tả sơ lược, theo trật tự tuyến tính, phần đầu lại là một tiêu đề nêu thông tin chính yếu nhất bao gồm một số yếu tố thuộc 5W+H (Who, what, when, where, why và How) phần còn lại mở rộng hoặc chi tiết hóa các thông tin đã nêu, nói cách khác, trong trường hợp này, tiêu đề là Đề, phần còn lại của diễn ngôn là Thuyết. [4]

4. Kết luận

Nếu diễn ngôn nói chủ yếu để thiết lập và duy trì các quan hệ xã hội, thực hiện chức năng liên nhân, trong đó nổi bật là giao tiếp, hiểu là có sự tương tác thì diễn ngôn viết chủ yếu đảm đương chức năng liên giao mà nổi bật là chức năng thông tin và lưu trữ thông tin.

Việc phân biệt diễn ngôn viết/ diễn ngôn nói là một nhu cầu nhận thức cần thiết trong giao tiếp hiện đại, bởi chẳng những chúng có ý nghĩa về mặt lí thuyết mà cả trong giáo dục ngôn ngữ. Thực tế cho thấy, để giao tiếp thành công, dù dưới hình thức nói hay viết đều phải trải qua một quá trình học tập, rèn luyện công phu. Nếu như ở hình thức viết, người tạo lập diễn ngôn phải làm việc trên một sự giả định, cân nhắc kĩ lưỡng, thậm chí phải chỉnh sửa, viết đi, viết lại nhiều lần rất khó nhọc thì với diễn ngôn nói, tính tương tác đòi hỏi các tham thoại phải phản ứng ngôn từ linh hoạt, nhạy bén, trong giải mã cũng như lập mã.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban (2009), *Giao tiếp, diễn ngôn và cấu tạo văn bản*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
2. Hồ Lê (1996), *Quy luật ngôn ngữ, Tính quy luật của cơ chế ngôn giao*, Nxb Khoa học Xã hội.
3. Trịnh Sâm (1998, 2011), *Tiêu đề văn bản tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
4. Trịnh Sâm (2008), “Đặc điểm ngôn ngữ báo chí, nhìn từ hoạt động báo chí ở Thành phố Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống*, 12(127).
5. Trịnh Sâm (2011), “Miền ý niệm sông nước trong tri nhận của người Việt”, *Ngôn ngữ*, 12(271).
6. Trịnh Sâm (2012), “Về một số mô hình của dẫn đề báo chí tiếng Việt”, *Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư*, 02(16).
7. Trịnh Sâm (2014), *Lí thuyết ngữ vực và việc nhận diện các đặc điểm của diễn ngôn*, Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, vol.30, No.1S, 2014.
8. Trịnh Sâm, Tạ Thị Thanh Tâm (2014), “Đặc điểm của văn bản nói”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 63(97),
9. Len Unsworth, Ngô Thị Bích Thu (2014, 2015), “Vai trò của hình ảnh trong sách dạy tiếng Anh ở Việt Nam”, *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống*, 11(229), 1(231).
10. Bhatia V. K. (1993), *Analyzing genre, language use in professional settings*, New York: Longman publishing.
11. Biber D. (1998), *Variation across speech and Writing*, Cambridge: Cambridge University Press.
12. Halliday M. A. K. (1985), *Spoken and Written language*, Oxford: Oxford University Press.
13. Halliday M. A. K., Hasan Ruqaiya (1976), *Cohesion in English*, Longman: London and New York.
14. Martin J. R. (1992), *English Text System and Structure*, John Benjamins Publishing Company Philadelphia/ Amsterdam.
15. Tanen D. (ed.) (1982), *Spoken and Written language*, Exploring orality and literacy, Vol. IX in the Series “Avances in discourse Processes”, edited by Roy O. Freedle, Ablex.
16. Swales J. M. (1990), *Genre analysis*, Cambridge: Cambridge University Press.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 06-5-2015; ngày phản biện đánh giá: 13-7-2015;
ngày chấp nhận đăng: 22-7-2015)